

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên 6 tháng cuối năm 2025

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hưng Yên 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC) một cách kịp thời, thông suốt và hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 và đáp ứng mục tiêu, tiến độ cải cách được Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2025 ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức đầy đủ, xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để triển khai thực hiện. Các nội dung CCHC phải được triển khai đồng bộ; xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng đề ra.

b) Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; bảo đảm nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

c) Kế thừa, phát huy những kinh nghiệm, ưu điểm, kết quả đạt được trong thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn vừa qua; chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC là khâu đột phá trong quản lý hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu các Chỉ số sau đây trong năm 2025 nằm trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước và có điểm Chỉ số tăng cao hơn so với năm 2024: Chỉ số CCHC (PAR INDEX); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin (ICT

INDEX); Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

Vị trí xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng từ 2 đến 5 bậc so với năm 2024.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Cải cách thể chế

a) 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do cấp tỉnh, cấp xã ban hành bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

b) 100% văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

c) 100% văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định.

d) 100% Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh được kiểm tra ngay sau khi được ban hành.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Trên 98% hồ sơ TTHC được trả kết quả giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn; 100% hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức theo đúng quy định.

b) Phần đầu đạt 100% hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định đối với các TTHC bắt buộc phải số hóa và quy định trả kết quả bản giấy cho người dân, doanh nghiệp.

c) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

d) 100% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và rà soát, đơn giản hóa theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

đ) 100% hồ sơ TTHC phát sinh giữa các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích.

e) 100% hồ sơ TTHC được cập nhật kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và đồng bộ, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

g) 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình, trong đó ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt từ 70% trở lên.

h) Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 60% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán có phát sinh phí, lệ phí TTHC.

i) 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được tổ chức tiếp nhận, xử lý, công khai kết quả xử lý theo đúng quy định.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Quản lý, sử dụng có hiệu quả biên chế, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm. Thực hiện sắp xếp, giảm số lượng tổ chức hành chính theo chương trình, Kế hoạch của tỉnh; giảm đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm đạt và vượt tỷ lệ do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Thực hiện giảm biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước bảo đảm theo lộ trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh.

c) Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2025 đối với số biên chế chưa sử dụng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

d) Kịp thời giải quyết chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ngay đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

đ) Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

a) 100% cơ quan, đơn vị được phê duyệt (điều chỉnh) đề án vị trí việc làm sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất theo chương trình, kế hoạch của tỉnh bảo đảm theo quy định.

b) Thực hiện, sắp xếp cơ cấu công chức, viên chức đúng theo Danh mục vị trí việc làm được phê duyệt tại 100% các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ cấp tỉnh đến cấp xã.

c) Kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành cho 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

d) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo quy định.

đ) 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện trao đổi hoàn toàn lượng công việc trên môi trường mạng.

e) Hoàn thành việc cập nhật Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh bảo đảm theo quy định (đáp ứng đủ 109 trường dữ liệu thông tin), đồng bộ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

2.5. Cải cách tài chính công

Đến hết năm ngân sách 2025, phần đầu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số

- 100% cơ quan nhà nước 02 cấp sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.
- Đẩy nhanh xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 100% văn bản điện tử của cơ quan nhà nước 02 cấp được gửi, nhận trên môi trường mạng và ký số đầy đủ theo quy định của Nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- Tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh đạt 90%; cấp xã đạt 60%.
- 100% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; 100% cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định.
- 50% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).
- 100% hệ thống hội nghị truyền hình được kết nối từ Trung ương đến địa phương, từ cấp tỉnh đến cấp xã được vận hành ổn định, bảo đảm chất lượng.

c) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bảo đảm đồng bộ danh mục TTHC với cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với 82 nhóm TTHC theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024, Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- Tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.
- 60% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh từ ngày 01/7/2025 được tạo lập, xử lý trên môi trường điện tử.

- 100% công/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

d) Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu: Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, ngành, lĩnh vực với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương qua trục LGSP của tỉnh và Trục NDXP quốc gia.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; các văn bản QPPL phải đáp ứng yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, thể thức, kỹ thuật trình bày và theo đúng trình tự, thủ tục ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Tăng cường triển khai toàn diện về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL của tỉnh để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, cụ thể, khả thi.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh hàng năm. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật.

d) Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành làm cơ sở tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, ngăn chặn sai phạm trong

giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác về cải cách, kiểm soát TTHC; triển khai thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công dịch vụ công quốc gia; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.

b) Thường xuyên rà soát, kiện toàn, tập huấn nghiệp vụ và bảo đảm chế độ cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa và công chức, viên chức tham gia quá trình giải quyết TTHC tại các cơ quan trên địa bàn tỉnh; tập trung tập huấn, bồi dưỡng về thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; sử dụng tài khoản VNeID trong thực hiện TTHC; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong giải quyết TTHC; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; quy trình tiếp nhận, trả hồ sơ; kỹ năng giao tiếp với người dân.

c) Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến và thẩm định quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh, bảo đảm chỉ ban hành TTHC hợp pháp, hợp lý và có chi phí tuân thủ thấp nhất.

d) Bảo đảm công bố, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời các TTHC theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

đ) Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm TTHC, dịch vụ công liên thông; hạn chế đến mức thấp nhất việc giải quyết hồ sơ TTHC quá thời hạn quy định. Trong trường hợp giải quyết quá hạn, cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xin lỗi cá nhân, tổ chức và trách nhiệm giải trình với cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định. Theo dõi, công bố, công khai, sử dụng kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ là một căn cứ quan trọng đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị.

e) Tập trung nguồn lực đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

g) Tiếp tục thống kê để công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đúng theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

h) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp về công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

i) Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC nhằm nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

l) Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo về công tác kiểm soát TTHC theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn và chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, thực hiện giảm đơn vị sự nghiệp, nâng cao mức độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế.

b) Tập trung triển khai đồng bộ, toàn diện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy, biên chế. Trọng tâm là thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Quyết định của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với mục tiêu tinh giản biên chế. Xây dựng, phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2025-2030.

c) Triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về: hỗ trợ cán bộ, công chức nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc, chuyển công tác giai đoạn 2023-2026; quy định việc hỗ trợ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học khi được tuyển dụng vào các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

d) Triển khai, hướng dẫn các nhiệm vụ có liên quan về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh bảo đảm tiến độ và đầy đủ nội dung theo quy định.

đ) Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư năm 2025 theo Kế hoạch sử dụng biên chế cán bộ, công chức cấp xã gắn với sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh. Thực hiện bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm để làm cơ sở xác định biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn. Thực hiện tốt việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức theo vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

b) Thường xuyên rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và tinh giản biên chế đối với công chức hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với viên chức không làm ảnh hưởng đến việc bố trí nhân sự thực hiện các nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, chuyên ngành; khi thực hiện tổ chức lại sẽ đồng thời cắt giảm biên chế dôi dư (đối với công chức) hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (đối với viên chức).

c) Đào tạo, bồi dưỡng: Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên.

d) Chế độ chính sách tiền lương, ngạch, chức danh nghề nghiệp: Triển khai thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Triển khai hướng dẫn xếp lại chức danh nghề nghiệp, lương đối với viên chức giáo viên tuyển dụng sau ngày 03/11/2015 theo các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thống nhất kết quả tuyển dụng viên chức, xếp lương viên chức sau khi tuyển dụng vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, viên chức chuyên ngành hành chính, văn thư, lưu trữ, kế toán. Giám sát, hướng dẫn việc tổ chức tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng.

đ) Cập nhật Cơ sở dữ liệu về cán bộ công chức viên chức của tỉnh bảo đảm theo quy định.

e) Thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

5. Cải cách tài chính công

a) Xác định rõ nhiệm vụ đẩy mạnh phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở tất cả các cấp, các ngành. Các sở, ban, ngành, các xã, phường khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư các dự án để bảo đảm đủ điều kiện phân bổ vốn chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 còn lại chưa phân bổ; kiên quyết không để tình trạng vốn chờ dự án, có vốn mà không giải ngân được. Nắm chắc tình hình cụ thể từng dự án để nhận diện rõ khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân giải ngân chậm để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ trong quá trình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

b) Các chủ đầu tư dự án khẩn trương đẩy nhanh tiến độ hoàn thành thủ tục lập, trình thẩm định, quyết định đầu tư các dự án để bảo đảm điều kiện phân bổ hết số vốn còn lại chưa phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công.

c) Các cơ quan, đơn vị cần tập trung thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt, kịp thời, hiệu quả để quyết liệt đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, dự án quan trọng quốc gia, các dự án liên xã, phường có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển, các dự án có thể hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2025. Việc đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 phải gắn với bảo đảm chất lượng công trình, dự án, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm.

d) Các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý cho từng công trình, dự án; phân công lãnh đạo phụ trách chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch đề ra; đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho từng dự án; kết quả giải ngân của dự án được phân công theo dõi là căn cứ để đánh giá, bình xét thi đua của các cơ quan, đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 của người đứng đầu. Ủy ban nhân dân các xã, phường thành lập ban chỉ đạo hoặc tổ công tác chỉ đạo xử lý khó khăn, vướng mắc của các dự án đầu tư công thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cấp mình.

đ) Chủ đầu tư rà soát, đánh giá khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án để dự kiến phương án điều chỉnh kế hoạch vốn từ dự án chậm giải ngân sang dự án đã có khối lượng hoàn thành, có nhu cầu bổ sung vốn trong nội bộ ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm giải ngân hết số vốn được giao; Khẩn trương làm thủ tục thanh toán vốn với Kho bạc nhà nước khi có khối lượng được nghiệm thu, không để dồn thanh toán vào cuối năm; khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết toán, giải ngân vốn các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng; thực hiện hoàn trả tạm ứng, sử dụng vốn tạm ứng theo đúng quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục bảo đảm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống chuyên ngành hoạt động ổn định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi sử dụng các ứng dụng và trong triển khai ứng dụng mới.

b) Các văn bản điện tử gửi trên môi trường mạng (qua các ứng dụng khác nhau) phải được ký số đầy đủ, bao gồm có đủ chữ ký số của lãnh đạo và ký số của cơ quan (dấu của cơ quan). Các tài liệu liên quan đến công việc chuyên môn nghiệp vụ phải được tạo lập hồ sơ công việc ngay khi bắt đầu thực hiện.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin tại các chuyên mục cụ thể trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ phục vụ tra cứu, tìm kiếm thông tin, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng. Cung cấp đầy đủ dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

d) Tiếp tục nâng cấp về hạ tầng và hoàn thiện phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hưng Yên phục vụ tốt công tác giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh và bảo đảm tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương. Rà soát các TTHC đủ điều kiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hoàn toàn trực tuyến để cung cấp dưới dạng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên cổng Dịch vụ công tỉnh và được đồng bộ danh mục TTHC với cổng Dịch vụ công quốc gia. Đẩy mạnh giải quyết TTHC bằng hình thức trực tuyến để nâng cao hiệu quả CCHC.

đ) Bổ sung, nâng cấp các module chức năng hiện có trên các nền tảng (web và di động) của Trung tâm điều hành thông minh; bổ sung các chức năng giám sát các lĩnh vực khác phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh liên quan đến công tác CCHC; tiếp tục bổ sung, tích hợp hệ thống theo mô hình của Đề án 06; xây dựng phương án hạ tầng Trung tâm điều hành thông minh đáp ứng tiêu chí an toàn an ninh thông tin theo quy định tại Công văn số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, thay thế nội dung về an toàn, an ninh mạng tại Công văn số 1522/BTTTT-THH.

e) Nâng cấp phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu theo dõi thực hiện nhiệm vụ các cấp có liên thông dữ liệu với Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ.

g) Tiếp tục duy trì Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ Trung ương đến địa phương, từ cấp tỉnh đến cấp xã.

h) Quản lý, vận hành, thường xuyên nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Hưng Yên bảo đảm đầy đủ các chức năng, tính năng theo quy định và tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

(Nhiệm vụ cụ thể theo Phụ lục kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Tổ công tác cải cách hành chính):

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành. Cụ thể:

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc các cấp và của Nhân dân trong việc thực hiện công tác CCHC.

b) Thực hiện rà soát, sửa đổi các quy định đánh giá và Bộ Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác CCHC; xây dựng chuyên mục thông tin điện tử về CCHC của tỉnh; duy trì, phát triển và sử

dụng có hiệu quả Hệ thống phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã.

d) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC gắn với nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác CCHC; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp với Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; gắn việc thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng.

e) Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch CCHC của tỉnh; huy động các nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện có hiệu quả công tác CCHC.

g) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả. Tăng cường bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng cần thiết về CCHC cho đội ngũ công chức làm nhiệm vụ CCHC nhằm đáp ứng yêu cầu tham mưu, hướng dẫn triển khai, theo dõi công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, cụ thể hóa chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch CCHC này thành Kế hoạch CCHC 6 tháng cuối năm 2025 của cơ quan, đơn vị, ban hành **trước ngày 05/8/2025**; bố trí kinh phí triển khai thực hiện; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu phân công tổ chức thực hiện. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao bảo đảm chất lượng, tiến độ, thời gian theo yêu cầu.

b) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác CCHC, gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC ở phạm vi cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

d) Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC là cơ sở để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra CCHC, đồng thời tích cực đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

e) Các sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực bảo đảm theo quy định.

3. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước 6 tháng cuối năm 2025 đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan: Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định đánh giá và Bộ Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch CCHC; thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung ương, của tỉnh và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai công tác thông tin và tuyên truyền về CCHC.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết việc thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước của tỉnh năm 2025.

4. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách thể chế; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân, tổ chức.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải

cách TTHC; chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hoạt động kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách tài chính công. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc lập dự toán ngân sách, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo theo quy định.

c) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh theo kế hoạch.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: thu hút đầu tư và giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

b) Triển khai các hoạt động tìm kiếm giải pháp, sáng kiến CCHC, tham mưu công nhận sáng kiến cấp tỉnh hằng năm.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

11. Sở Y tế

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh.

12. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên

Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về CCHC để tăng cường tuyên truyền các nội dung về CCHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác CCHC; phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến, nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, các hiện tượng tiêu cực trong triển khai, thực hiện công tác CCHC; tiếp

nhận ý kiến phản hồi của của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC-Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC^{Thủy}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghiêm

Phụ lục

NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TÌNH HÌNH YÊN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên)

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Cải cách thể chế					
1	1.1.Xây dựng văn bản QPPL	2.1. Tham mưu triển khai thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các nghị định hướng dẫn thi hành	Hội nghị, Kế hoạch/Công văn	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; HĐND, UBND cấp xã	Quý III/2025
2		2.2. Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo chất lượng	Quyết định, Nghị quyết	Sở, ban, ngành; cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp; cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2025
3	1.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2025	2.3. Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Theo quy định, kế hoạch	Sở, ban, ngành; cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp; cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2025
4		2.4. Xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh	Quý IV/2025

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	1.3. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật	2.5. Xây dựng văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Kế hoạch; Công văn	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã.	Trong năm 2025
6		2.6. Xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết; các điều kiện đảm bảo cho thi hành pháp luật; tình hình tuân thủ pháp luật đối với lĩnh vực được theo dõi	Báo cáo	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh	Trong năm 2025
7		2.7. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Văn bản xử lý (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế ban hành mới văn bản QPPL; công văn...)	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Khi có phát hiện
II	Cải cách thủ tục hành chính					
8	1.4. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	2.8. Ban hành các văn bản, tổ chức thực hiện kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	Công văn của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã.	Thường xuyên
9	1.5. Rà soát, kiện toàn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và bảo đảm chế độ cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ	2.9. Kịp thời quyết định thay đổi cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị để bảo đảm đủ số lượng và đúng thành phần quy định	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	Ngay khi có thay đổi nhân sự thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị
10		2.10. Tổ chức tập huấn, bồi	Các lớp tập huấn, bồi	Văn phòng	Các sở, ban,	Trong năm

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	phận Một cửa và công chức, viên chức tham gia quá trình giải quyết TTHC tại các cơ quan trên địa bàn tỉnh	đường nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp và công chức, viên chức tham gia quá trình giải quyết TTHC tại các cơ quan trên địa bàn tỉnh	đường nghiệp vụ được tổ chức	UBND tỉnh	ngành tỉnh; UBND cấp xã.	2025
11		2.11. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị bố trí và sử dụng kinh phí cho công tác kiểm soát TTHC theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước	Văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính; kinh phí được bố trí cho công tác kiểm soát TTHC	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã.	Thường xuyên
12		2.12. Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC và công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa các cấp theo quy định tại Nghị quyết số 333/2020/NQ-HĐND ngày 01/12/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh	Kinh phí được chi trả cho cán bộ đầu mối và cán bộ một cửa theo quy định	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã.	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh.	Thường xuyên
13	1.6. Kiểm soát quy định về TTHC tại các dự thảo văn bản QPPL do tỉnh ban hành	2.13. Thực hiện việc đánh giá tác động của TTHC trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh, UBND tỉnh	Bản đánh giá tác động của TTHC	Các sở, ban, ngành tỉnh được giao chủ trì soạn thảo các dự thảo	Sở Tư pháp	Trong quá trình dự thảo đề nghị xây dựng văn bản QPPL và dự

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
				văn bản QPPL có quy định về TTHC		thảo văn bản QPPL
14		2.14. Tham gia ý kiến đối với quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh, UBND tỉnh; tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định về TTHC thông qua tham vấn, hội nghị, hội thảo hoặc biểu mẫu lấy ý kiến khi thấy cần thiết	Văn bản tham gia ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan	Khi nhận được đề nghị tham gia ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo
15		2.15. Thẩm định quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh, UBND tỉnh	Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo
16	1.7. Công bố, công khai TTHC	2.16. Xây dựng Tờ trình, dự thảo Quyết định công bố TTHC hoặc công bố Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý sau khi văn bản QPPL có quy định về TTHC được HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành hoặc sau khi có Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ	- Hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố TTHC hoặc công bố danh mục TTHC của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; - Văn bản góp ý kiến của Văn phòng	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Ngay sau khi văn bản QPPL có quy định về TTHC được HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành hoặc trong

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		trưởng cơ quan ngang Bộ; gửi hồ sơ trình đến Văn phòng UBND tỉnh để kiểm soát chất lượng trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố	UBND tỉnh; - Văn bản tiếp thu, giải trình; - Quyết định công bố TTHC hoặc công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh.			thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ
17		2.17. Nhập, đăng tải công khai dữ liệu TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC	Cơ sở dữ liệu TTHC đã được cập nhật, đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định công bố TTHC hoặc Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
18		2.18. Thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được kết nối, tích hợp dữ liệu với Cơ sở dữ liệu	Văn phòng UBND tỉnh		Duy trì thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
			quốc gia về TTHC			
19		2.19. Công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức (nếu có) và tại trụ sở cơ quan, tổ chức (nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC) bằng hình thức niêm yết hoặc hình thức điện tử đối với tất cả TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố	Các TTHC được công khai theo đúng quy định	Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được trao quyền tiếp nhận, giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Duy trì thường xuyên
20	1.8. Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	2.20. Bảo đảm cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, kinh phí hoạt động cho Bộ phận Một cửa các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Bộ phận Một cửa các cấp được trang bị các điều kiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Thanh tra tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên
21		2.21. Hướng dẫn mô hình, trang thiết bị, nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa cấp xã theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ	Văn bản hướng dẫn	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan	Tháng 7/2025
22		2.22. Xây dựng Tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý; gửi hồ sơ trình đến Văn phòng UBND tỉnh để kiểm soát	- Hồ sơ trình của các sở, ban, ngành; - Văn bản góp ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh; - Văn bản tiếp thu,	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định công bố

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		chất lượng trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt	giải trình của cơ quan dự thảo quyết định; - Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.			TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ
23		2.23. Thiết lập quy trình điện tử giải quyết TTHC trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ đã được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Quy trình điện tử giải quyết TTHC được thiết lập tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	Ngay sau khi có Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
24		2.24. Tổ chức giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo đúng quy trình điện tử đã được thiết lập tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm TTHC, dịch vụ công liên thông; nâng cao tỷ lệ hồ sơ được giải quyết và trả kết quả trước hạn, đúng hạn; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xin lỗi cá nhân, tổ chức khi để xảy ra hồ sơ quá hạn	- Toàn bộ quá trình xử lý hồ sơ TTHC được công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và được tích hợp, đồng bộ lên Cổng DVC Quốc gia; - Phiếu xin lỗi.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
25		2.25. Ban hành danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh theo lộ trình	Quyết định của UBND tỉnh ban hành danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Trong năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
			chính trong phạm vi tỉnh			
26		2.26. Xây dựng các bộ hồ sơ mẫu hoặc tài liệu, video hướng dẫn trực quan sinh động về quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân để đăng tải trên các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; các trang mạng xã hội	Các bộ hồ sơ mẫu hoặc tài liệu, video hướng dẫn quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Trong năm 2025
27	1.9. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	2.27. Công bố danh mục TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
28		2.28. Cung cấp các TTHC đủ điều kiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên
29		2.29. Cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên
30		2.30. Thực hiện số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết	Dữ liệu điện tử TTHC được xác lập	Các sở, ban, ngành tỉnh;	Văn phòng UBND tỉnh, Sở	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		TTHC (bản giấy và bản điện tử) trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	UBND cấp xã	Khoa học và Công nghệ	
31		2.31. Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến khi thực hiện TTHC; sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 Bộ Công an cấp để thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	Các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và trực tiếp tại Bộ phận Một cửa	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
32	1.10. Rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	2.32. Tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 với mục tiêu kịp thời phát hiện để quyết định theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ những TTHC không cần thiết, không phù hợp, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định và thực hiện TTHC	Các sản phẩm rà soát, đánh giá TTHC theo quy định của pháp luật và Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC tỉnh Hưng Yên năm 2025 của UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh được giao chủ trì rà soát, đánh giá TTHC	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã được giao nhiệm vụ phối hợp rà soát.	Theo Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 của UBND tỉnh và hoàn thành muộn nhất 15/9/2025
33		2.33. Xây dựng dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh (nếu	Văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh	Sở, ngành được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị	Theo nhiệm vụ được giao tại phương án đơn giản hóa

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		có)		trì xây dựng	có liên quan	TTHC của UBND tỉnh
34	1.11. Công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước	2.34. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước theo Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.	- Tờ trình, Quyết định công bố TTHC nội bộ của Chủ tịch UBND tỉnh; - Báo cáo rà soát đơn giản hóa, Tờ trình, Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã	Theo Kế hoạch của UBND tỉnh và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ
35	1.12. Thực hiện Bộ chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ	2.35. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt kết quả Bộ chỉ số của các cơ quan, đơn vị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://quantri.dichvucong.gov.vn/), lấy đó là một cơ sở quan trọng phục vụ công tác chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ về cải cách, kiểm soát TTHC, nhất là về giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công	- Kết quả thực hiện của các cơ quan đơn vị trên Cổng DVC quốc gia; - Văn bản của UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành, địa phương; - Bộ chỉ số hàng tháng được công khai trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Cổng/Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết TTHC.	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Các cá nhân, tổ chức có liên quan	- Theo dõi, chỉ đạo: thường xuyên; - Công bố, công khai: hàng tháng.

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
36	1.13. Đẩy mạnh công tác truyền thông, huy động cá nhân, tổ chức tham gia kiểm soát TTHC	2.36. Đẩy mạnh công tác truyền thông, huy động cá nhân, tổ chức tham gia kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	Các sản phẩm truyền thông theo quy định tại Kế hoạch truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã; các cơ quan truyền thông và tổ chức, cá nhân có liên quan	Theo Kế hoạch truyền thông năm 2025 của UBND tỉnh
37	1.14. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định, TTHC, việc thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	2.37. Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC, việc thực hiện TTHC hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tại trụ sở của tất cả các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh	Địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC, việc thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được công khai tại trụ sở của tất cả các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh	Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được trao quyền tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
38		2.38. Tiếp nhận, nghiên cứu và phân loại các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định, TTHC, việc thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để tham mưu chuyển cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan xử lý	- Tiếp nhận, phân loại phản ánh, kiến nghị theo quy định; - Văn bản của UBND tỉnh về việc chuyển phản ánh, kiến nghị để xử lý.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		theo quy định của pháp luật				
39		2.39. Xử lý phản ánh, kiến nghị theo văn bản chuyển phản ánh, kiến nghị của UBND tỉnh	Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan	Khi nhận được văn bản chuyển phản ánh, kiến nghị của UBND tỉnh
40		2.40. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xử lý phản ánh, kiến nghị; tổng hợp, báo cáo và công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định	- Tổng hợp kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị, báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Văn phòng Chính phủ theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 01 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu; - Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã có liên quan	Thường xuyên
41	1.15. Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	2.41. Đẩy mạnh kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất và chuyên đề công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Trong đó tập trung đặc biệt vào công tác kiểm tra đột xuất việc	Hoạt động kiểm tra được triển khai thực hiện theo Kế hoạch. Kiểm tra đột xuất theo quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Theo Kế hoạch kiểm tra năm 2025 của UBND tỉnh; Quyết định kiểm tra đột xuất của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		giải quyết TTHC tại các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh				
42	1.16. Thực hiện chế độ báo cáo	2.42. Báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	Báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Định kỳ hàng tháng, hàng quý, 01 năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu
III	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước					
43	1.17. Tiếp tục tổ chức kiện toàn và sắp xếp bộ máy chính quyền các cấp đảm theo quy định	2.43. Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các sở, ban, ngành tỉnh theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo quy định của Chính phủ và khi có văn bản hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương
44		2.44. Rà soát, sắp xếp, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các Phòng chức năng, Trung tâm thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo đúng quy định	Quyết định	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương
45	1.18. Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và tổ chức bộ máy bên trong theo hướng tinh gọn, giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập	2.45. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương	Quyết định	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Trong năm 2025
46		2.46. Thẩm định quy hoạch	Công văn	Các sở, ban,	Sở Nội vụ, Sở	Trong năm

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực quản lý		ngành tỉnh	Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025
47		2.47. Thẩm định, trình xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh	Báo cáo, Quyết định	Các sở, ban ngành tỉnh; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Trong năm 2025
48		2.48. Sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức đảm bảo theo vị trí việc làm; thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định	Quyết định	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Thường xuyên
49	1.19. Kịp thời giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	2.49. Thực hiện giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ngay đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	Tờ trình, dự thảo Quyết định	Các sở, ban ngành tỉnh; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Theo đề nghị của cơ quan, đơn vị
50	1.20. Thực hiện quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước đảm bảo không vượt quá số biên chế được giao	2.50. Tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập sau khi thực hiện hợp nhất tỉnh	Tờ trình, Quyết định	Các sở, ban ngành tỉnh; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2025
IV	Cải cách chế độ công vụ					
51	1.21. Xây dựng Đề án vị trí việc làm khôi phục hành chính, sự nghiệp sau khi hợp nhất tỉnh	2.51. Thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (hoặc có văn bản thống nhất) Đề án điều	Tờ trình, dự thảo Quyết định/ Công văn	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý III, IV/ 2025

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	để làm cơ sở thực hiện việc quản lý, tuyển dụng công chức, viên chức	chỉnh vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị				
52	1.22. Triển khai nội dung, chương trình, tài liệu bồi dưỡng; hồ sơ tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn; thông báo triệu tập học viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn	2.52. Rà soát các chương trình, tài liệu để thực hiện tổ chức các lớp bồi dưỡng, ban hành Thông báo tổ chức lớp, đề nghị các đơn vị đăng ký danh sách cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	Công văn, Thông báo, Chương trình	Các cơ quan, đơn vị chủ trì theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Quý III, IV/2025
53	1.23. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2026	2.53. Thực hiện rà soát, thống kê, xây dựng và phê duyệt đề án, kế hoạch	Đề án, Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Tháng 12/2025
54	1.24. Triển khai thực hiện chế độ tiền lương và xếp lại chức danh nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	2.54. Rà soát, cập nhật thường xuyên quy định về chế độ tiền lương đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh theo quy định.	Hướng dẫn, Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên
55		2.55. Hướng dẫn xếp lại chức danh nghề nghiệp, lương đối với viên chức giáo viên tuyển dụng sau ngày 03/11/2015 theo các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo				Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
56	1.25. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, viên chức chuyên ngành hành chính, văn thư, lưu trữ, kế toán	2.56. Rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành hành chính, văn thư, lưu trữ, kế toán	Công văn, Tờ trình, Đề án, Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Quý III, IV/2025
57	1.26. Cập nhật Cơ sở dữ liệu về CBCCVC của tỉnh bảo đảm theo quy định (đáp ứng đủ 109 trường dữ liệu thông tin), đồng bộ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC của BNV, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu bảo đảm thông suốt, hiệu quả	2.57. Rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh và thực hiện đồng bộ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC của Bộ Nội vụ	Công văn, Báo cáo	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Quý III/2025
58	1.27. Thực hiện các quy định về công tác cán bộ theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị	2.58. Thẩm định hồ sơ, thực hiện các quy định về công tác cán bộ theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị	Công văn, Tờ trình	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên
59	1.28. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức	2.59. Thực hiện quy trình đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng đối với cá nhân cán bộ, công chức, viên chức	Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên
60	1.29. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển	2.60. Tổ chức thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra trên địa bàn	Kế hoạch; báo cáo; kết luận	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh,	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	dụng, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm	tỉnh			UBND cấp xã	
V	Cải cách tài chính công					
61	1.30. Tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công	2.61. Kiểm tra, đôn đốc thường xuyên các đơn vị được giao thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	Công văn, Kế hoạch, văn bản đôn đốc thực hiện, tháo gỡ khó khăn trong giải ngân vốn ...	Sở Tài chính	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
62	1.31. Thực hiện các nhiệm vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước khi có Quyết định cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp	2.62. Hoàn thành quy trình về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định	Công văn, Kế hoạch, Quyết định, ...	Sở Tài chính	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Khi có chủ trương, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ
63	1.32. Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2.63. Thực hiện điều chỉnh dự toán, quyết toán, thực hiện quy trình nội bộ	Báo cáo, Công văn, Quyết định	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Khi có văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh
64	1.33. Ban hành quy định về quản lý tài sản công đảm bảo	2.64. Rà soát các quy định mới, ban hành văn bản về quản lý tài	Quyết định	Các sở, ban, ngành; các cơ	Sở Tài chính	Sau khi có các quy định

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	sản công		quan, đơn vị có liên quan		
65	1.34. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo đúng quy định	2.65. Rà soát các quy định mới, ban hành văn bản về quản lý tài sản công	Quyết định	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài chính	Sau khi có các quy định
66	1.35. Triển khai thực hiện đúng các quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	2.66. Rà soát các quy định mới, ban hành văn bản về quản lý tài sản công	Báo cáo, quyết định	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài chính	Thường xuyên
67	1.36. Thực hiện kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	2.67. Rà soát các quy định mới, ban hành văn bản về quản lý tài sản công	Kế hoạch, Báo cáo, Kết luận	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài chính	Thường xuyên
68	1.37. Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, ...	2.68. Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	Quyết định, Văn bản	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài chính	Thường xuyên
69	1.38. Tiếp tục thực hiện quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	2.69. Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2022/TT-BTC cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng	Công văn, Kế hoạch, Nghị quyết, Quyết định, ...	Các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh có đơn vị SNCL trực thuộc; đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh; các cơ	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		thời kỳ		quan, đơn vị có liên quan		
70		2.70. Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên	Công văn, Kế hoạch, Nghị quyết, Quyết định, ...	Các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh có đơn vị SNCL trực thuộc; đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
71		2.71. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý; hiệu quả hoạt động của	Công văn, Kế hoạch, Nghị quyết, Quyết định, ...	Các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh có đơn vị SNCL trực thuộc; đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh; các cơ	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		đơn vị sự nghiệp công		quan, đơn vị có liên quan		
72		2.72. Ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	Công văn, Kế hoạch, Nghị quyết, Quyết định, ...	Các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh có đơn vị SNCL trực thuộc; đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
73	1.39. Công khai tài chính (1. Công khai dự toán ngân sách 2025; 2. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm); 3. Công khai quyết toán ngân sách nhà nước 2024)	2.73. Xây dựng các văn bản; Báo cáo kết quả thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định	Nghị quyết, Quyết định; Các văn bản; Báo cáo kết quả thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định	Các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2025
VI	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số					
74	1.40. 100% cơ quan nhà nước 02 cấp sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (mạng TSLCD)	2.74. Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ luôn duy trì kết nối với mạng TSLCD	Báo cáo kết quả thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
75	1.41. 100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường	2.75. Thực hiện ký số trên các tài liệu điện tử	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ	Các sở, ban, ngành, UBND	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước)		thống	cấp xã		
76	1.42. 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) được tạo lập, xử lý trên môi trường điện tử.	2.76. Thực hiện lập hồ sơ điện tử	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Thường xuyên
77	1.43. 100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	2.77. Thực hiện báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
78	1.44. 50% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh)	2.78. Thực hiện báo cáo trực tuyến	Báo cáo kết quả thực hiện	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thanh tra tỉnh	Thường xuyên
79	1.45. Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	2.79. Thực hiện chuẩn hóa	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục TTHC với cổng Dịch vụ công quốc gia					
80	1.46. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với 82 nhóm TTHC theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024, Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ	2.80. Thực hiện cung cấp dịch vụ công toàn trình	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
81	1.47. Tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến	2.81. Thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
82	1.48. 100% kết quả giải quyết TTHC điện tử được số hóa	2.82. Thực hiện số hóa	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
83	1.49. 60% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	2.83. Thực hiện thanh toán	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
84	1.50. 100% cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà	2.84. Thực hiện cung cấp thông tin	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ	Các sở, ban, ngành, UBND	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	nước tỉnh Hưng Yên cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ		thống	cấp xã		
VII	Công tác chỉ đạo, điều hành					
85	1.51. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước của Chính phủ và của các Bộ, ngành Trung ương giai đoạn 2021 - 2030, của tỉnh giai đoạn 2021-2025 bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ	2.85. Xây dựng các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ CCHC	Chương trình, Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, ngành đầu mối	Thường xuyên
86		2.86. Thực hiện chấn chỉnh, quy trách nhiệm khi phát hiện tồn tại, hạn chế	Công văn chấn chỉnh, đánh giá trách nhiệm	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
87	1.52. Rà soát, sửa đổi các Quy định đánh giá và các Bộ Chỉ số: Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công PAPI, Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường	2.87. Tổ chức lấy ý kiến dự thảo Quy định đánh giá và Bộ Chỉ số	Công văn lấy ý kiến; Dự thảo	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã; các đơn vị có liên quan	Tháng 9/2025
88		2.88. Ban hành các Quy định đánh giá và các Bộ Chỉ số: Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công PAPI, Chỉ số	Tờ trình; Quyết định	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Tháng 11/2025

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường				
89	1.53. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý công tác CCHC; duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả Hệ thống phần mềm	2.89. Tổ chức các cuộc họp giao ban trực tuyến giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã	Cuộc họp, dữ liệu, đường truyền	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã; các đơn vị có liên quan	Thường xuyên
90	chấm điểm chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công PAPI, Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường	2.90. Xây dựng, nâng cấp phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công PAPI, Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường	Phần mềm, dữ liệu, đường truyền	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã; các đơn vị có liên quan	Thường xuyên
91	1.54. Tăng cường công tác truyền truyền về cải cách hành chính bằng các hình thức thiết thực, phong phú, đa dạng, hiệu quả	2.91. Phát triển các hình thức tuyên truyền	Tin bài, phóng sự, tờ rơi, pano, áp phích	Sở Nội vụ; Báo Hưng Yên	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
92	1.55. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC, kịp thời chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế	2.92. Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra CCHC của tỉnh	Kế hoạch; Quyết định thành lập đoàn kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 9/2025
93		2.93. Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra CCHC của các đơn vị	Kế hoạch; Quyết định thành lập đoàn kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành trước ngày 31/12/2025
94		2.94. Thực hiện kiểm tra đột	Kế hoạch; Quyết định	Sở Nội vụ	Các cơ quan,	Khi phát hiện

STT	Nhiệm vụ	Hoạt động cụ thể	Kết quả/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		xuất	thành lập đoàn kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra		đơn vị có liên quan	nhiều bất cập, hạn chế
95		2.95. Thực hiện chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị sau các cuộc kiểm tra	Văn bản chấn chỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sau khi thực hiện kiểm tra xong